

Số: /TTr-BGDDT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

TỜ TRÌNH**Kính trình: Chính phủ**

Thực hiện các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện; Bộ Giáo dục và Đào tạo kính trình Chính phủ xem xét đề nghị về việc ban hành Nghị định quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo, với các nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**1. Cơ sở chính trị, pháp lý****a) Cơ sở chính trị**

Thời gian qua, Đảng, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản để đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, chuyển đổi số, trong đó có ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số giáo dục và đào tạo, cụ thể:

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị đã khẳng định chiến lược đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia để đưa Việt Nam vươn lên trong kỷ nguyên số. Dữ liệu đóng vai trò trung tâm trong việc thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là yếu tố then chốt để bảo đảm chủ quyền quốc gia trên không gian mạng. Mục tiêu phát triển đến năm 2030 là: “Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sàn giao dịch dữ liệu.”

- Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo đã chỉ đạo chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo với các nội dung:

+ “Xây dựng chiến lược dữ liệu phục vụ cho chuyển đổi số và phát triển nền tảng giáo dục quốc gia ứng dụng trí tuệ nhân tạo có kiểm soát; bố trí đủ nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ để đẩy nhanh chuyển đổi số, phổ cập và ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp học trên phạm vi cả nước.

+ Xây dựng các nền tảng giáo dục thông minh, sách giáo khoa, giáo trình thông minh; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong đổi mới phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá; thúc đẩy ứng dụng các mô hình

giáo dục số, giáo dục trí tuệ nhân tạo, quản trị giáo dục thông minh, trường học số, lớp học thông minh.

+ Phát triển hệ thống thông tin giáo dục và nhân lực quốc gia kết nối liên thông với hệ thống thông tin thị trường lao động, việc làm và tích hợp thông tin khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục.

+ Nâng cao chuẩn năng lực số và trí tuệ nhân tạo cho người học và đội ngũ nhà giáo ở tất cả các cấp học, đưa vào chương trình giáo dục gắn với thúc đẩy các hoạt động sáng tạo, trải nghiệm. Có chính sách khuyến khích, huy động các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tham gia bồi dưỡng, đào tạo giáo viên, người học về năng lực số, trí tuệ nhân tạo."

+ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị thúc đẩy đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Hoàn thiện thể chế phát triển được xác định là "khâu đột phá của đột phá", chuyển từ quản lý sang kiến tạo, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, với mục tiêu xây dựng hệ thống pháp luật hiện đại, đồng bộ, minh bạch.

Do vậy, việc hoàn thiện pháp luật, quy định về các chính sách trong quản lý, khai thác dữ liệu giáo dục và đào tạo vào công tác quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội là yêu cầu rất cấp thiết; tạo điều kiện cho mọi người dân được thụ hưởng lợi ích từ hoạt động chuyển đổi số.

b) Cơ sở pháp lý

Luật Dữ liệu và Luật Giao dịch điện tử đã tạo hành lang, cơ sở pháp lý ban đầu để kiến tạo và thực thi các chính sách về sử dụng dữ liệu trong quản trị, quản lý các hoạt động của hệ thống giáo dục quốc dân.

- Điều 8 của Luật Dữ liệu năm 2024 quy định quản lý nhà nước về dữ liệu như sau:

"Điều 8. Quản lý nhà nước về dữ liệu

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về dữ liệu được quy định như sau:

a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về dữ liệu;

b) Bộ Công an là cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu, trừ quy định tại điểm c khoản này;

c) Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu thuộc phạm vi quản lý. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu cơ yếu thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật về cơ yếu;

d) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu; phối hợp với Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu;

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu; thực hiện quản lý nhà nước về dữ liệu tại địa phương."

- Điều 40 của Luật Giao dịch điện tử năm 2023 quy định về quản lý dữ liệu, CSDL dùng chung như sau:

"Điều 40. Quản lý dữ liệu, cơ sở dữ liệu dùng chung

1. Dữ liệu trong cơ quan nhà nước được tổ chức thống nhất, được phân cấp quản lý theo trách nhiệm quản lý của cơ quan nhà nước nhằm thúc đẩy giao dịch điện tử; được chia sẻ phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở dữ liệu dùng chung trong cơ quan nhà nước bao gồm cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành, địa phương.

3. Việc quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia được quy định như sau:

a) Cơ sở dữ liệu quốc gia chứa dữ liệu chủ làm cơ sở tham chiếu, đồng bộ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành, địa phương;

b) Dữ liệu chủ trong cơ sở dữ liệu quốc gia có giá trị sử dụng chính thức, tương đương văn bản giấy được cơ quan có thẩm quyền cung cấp, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

c) Dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia được chia sẻ với Bộ, ngành, địa phương phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội;

d) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia. Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia phải thể hiện được các nội dung cơ bản sau đây: tên cơ sở dữ liệu quốc gia; mục tiêu xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia; phạm vi dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia; thông tin về dữ liệu chủ của cơ sở dữ liệu quốc gia được lưu trữ và chia sẻ; đối tượng và mục đích sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia; nguồn thông tin được xây dựng và cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia; phương thức chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia;

đ) Chính phủ quy định việc xây dựng, cập nhật, duy trì và khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia; quy định việc chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia với cơ sở dữ liệu của cơ quan khác của Nhà nước.”

- Điều 22 của Luật Căn cước năm 2023 có quy định về tích hợp thông tin vào thẻ căn cước và sử dụng, khai thác thông tin được tích hợp được quy định cụ thể như sau:

“Điều 22. Tích hợp thông tin vào thẻ căn cước và sử dụng, khai thác thông tin được tích hợp

“2. Thông tin được tích hợp vào thẻ căn cước gồm thông tin thẻ bảo hiểm y tế, sổ bảo hiểm xã hội, giấy phép lái xe, giấy khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn hoặc giấy tờ khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định, trừ thông tin trên giấy tờ do Bộ Quốc phòng cấp.

3. Việc sử dụng thông tin đã được tích hợp vào thẻ căn cước có giá trị tương đương như việc cung cấp thông tin hoặc sử dụng giấy tờ có chứa thông tin đó trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công, các giao dịch và hoạt động khác.”

- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 đã xác định rõ các nhiệm vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại khoản 6 Mục VIII Điều 1, cụ thể như sau:

“6. Bộ Giáo dục và Đào tạo

c) Tổ chức thực hiện việc số hóa và quản lý thống nhất hệ thống văn bản, chứng chỉ, chương trình đào tạo gắn với từng sinh viên, học viên, làm cơ sở tham chiếu, sử dụng trong các hoạt động xã hội.

d) Cập nhật, hoàn thiện dữ liệu ngành giáo dục, đào tạo, bao gồm: cơ sở giáo dục và đào tạo các cấp; các chuyên ngành đào tạo, chương trình đào tạo, hồ sơ giáo viên, sinh viên, học sinh; chuẩn hóa học bạ điện tử cho tất cả các cấp học, ngành học; tạo dựng các bộ dữ liệu mở và chia sẻ cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham khảo, nghiên cứu, sử dụng.

đ) Từng bước xây dựng dữ liệu lớn về hành vi của người học, người dạy từ các hệ thống hỗ trợ học tập áp dụng các công nghệ dạy học và các ứng dụng trực tuyến.

e) Kết nối, liên thông dữ liệu ngành giáo dục, đào tạo với dữ liệu trong lĩnh vực lao động, việc làm và dữ liệu bảo hiểm xã hội để xác định được nhu cầu nhân lực đào tạo, làm cơ sở hỗ trợ công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đào tạo trong ngành giáo dục.”

- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện đã giao nhiệm vụ cho Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Phụ lục II, mục 3: *"a) Xây dựng và ban hành Nghị định quy định quản lý dữ liệu về giáo dục và đào tạo, quy định hướng dẫn về hồ sơ giáo dục số (học bạ, văn bằng, chứng chỉ) để làm cơ sở pháp lý triển khai đồng bộ, thống nhất trên toàn quốc".*

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Một số kết quả trong công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, xây dựng CSDL về giáo dục và đào tạo

a) Về nhận thức, thể chế, môi trường pháp lý

Việc xây dựng Nghị định quy định về quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo xuất phát từ yêu cầu thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước, chuyển đổi số ngành giáo dục và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến dữ liệu. Trong thời gian qua, nhiều chủ trương, kế hoạch và văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành nhằm định hướng và thúc đẩy việc xây dựng, vận hành và sử dụng cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Hệ thống pháp luật hiện hành đã có một số quy định liên quan đến thông tin, hồ sơ người học và quản lý dữ liệu giáo dục. Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 và Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 đều quy định trách nhiệm của cơ sở giáo dục trong việc lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin liên quan đến người học, hồ sơ đào tạo và bảo đảm chất lượng. Tuy nhiên, các quy định này chưa đề cập đầy đủ đến việc xây dựng, quản lý, khai thác dữ liệu theo tiêu chuẩn điện tử, dữ liệu chủ, kết nối liên thông và cơ chế chia sẻ, khai thác dữ liệu theo hướng số hóa toàn diện.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các văn bản kỹ thuật như Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào

tạo; Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 về quy định kỹ thuật dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, các văn bản này chủ yếu mang tính hướng dẫn kỹ thuật nội bộ, chưa có giá trị pháp lý đầy đủ để điều chỉnh đồng bộ trên toàn hệ thống.

Trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp, Quyết định số 1246/QĐ-BLĐTBXH ngày 09/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội xác định rõ yêu cầu xây dựng cơ sở dữ liệu kết nối đào tạo – việc làm, là tiền đề quan trọng cho việc liên thông dữ liệu toàn hệ thống giáo dục – đào tạo – thị trường lao động. Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo đang xây dựng Hồ sơ Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục, trong đó quy định về việc xây dựng, quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo. Việc ban hành Nghị định là bước cần thiết nhằm cụ thể hóa các nội dung tại cấp thực thi.

Bên cạnh đó, Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15 và Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15 đã thiết lập các nguyên tắc chung và bắt buộc đối với quản lý dữ liệu trong cơ quan nhà nước. Luật Dữ liệu quy định rõ trách nhiệm của bộ, ngành trong việc xây dựng dữ liệu chủ, bảng mã danh mục dùng chung, áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết lập cơ chế kết nối, chia sẻ, bảo vệ, giám sát và khai thác dữ liệu. Luật Giao dịch điện tử cũng yêu cầu dữ liệu điện tử phải có tính xác thực, toàn vẹn, giá trị pháp lý tương đương giấy tờ truyền thống nếu được ký số và lưu trữ đúng quy định. Việc ban hành Nghị định sẽ tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, rõ ràng để ngành giáo dục thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Dữ liệu, Luật Giao dịch điện tử và các văn bản pháp luật có liên quan.

Về mặt tổ chức triển khai, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành nhiều kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể để đẩy mạnh chuyển đổi số và phát triển cơ sở dữ liệu ngành. Bao gồm:

- Quyết định số 4153/QĐ-BGDĐT ngày 25/12/2024 ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm 2025;
- Quyết định số 339/QĐ-BGDĐT ngày 07/02/2025 phê duyệt nhiệm vụ triển khai Đề án 06 trong năm 2025;
- Quyết định số 1358/QĐ-BGDĐT ngày 16/5/2025 ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ.
- Quyết định số 2207/QĐ-BGDĐT ngày 01/8/2025 về việc ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu tuyển sinh đầu cấp giáo dục phổ thông;

Như vậy, môi trường pháp lý, tổ chức và nhận thức đã hội đủ điều kiện để ban hành Nghị định về quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo. Việc xây dựng Nghị định là bước hoàn thiện thể chế cần thiết, bảo đảm tính thống nhất, pháp lý và hiệu lực trong triển khai chuyển đổi số, xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống dữ liệu ngành giáo dục.

b) Về xây dựng CSDL

Việc xây dựng và hoàn thiện các CSDL của Bộ Giáo dục và Đào tạo mang tính cấp thiết chiến lược, là nền tảng cốt lõi để thực hiện thành công các mục tiêu của Chính phủ số và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, mỗi CSDL đều đóng vai trò quan trọng riêng, cụ thể:

- CSDL về Giáo dục Mầm non – Phổ thông - Thường xuyên: Đây là CSDL nhằm cung cấp các thông tin quan trọng (về mạng lưới cơ sở giáo dục, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, người học, cơ sở vật chất...) phục vụ công tác thống kê và quản lý nhà nước về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên.

- CSDL về giáo dục đại học (Hemis): nhằm cung cấp các thông tin quan trọng (về mạng lưới cơ sở giáo dục, ngành nghề đào tạo, chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý, người học, cơ sở vật chất, thông tin nghiên cứu khoa học...) phục vụ công tác thống kê và quản lý nhà nước về giáo dục đại học, đặc biệt là trong đánh giá chất lượng đào tạo, góp phần vào chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của quốc gia.

- Các CSDL về giáo dục nghề nghiệp (GDNN): gồm CSDL cơ sở giáo dục nghề nghiệp; CSDL học sinh, sinh viên giáo dục nghề nghiệp; CSDL nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Bộ GDĐT nhận bàn giao chức năng quản lý nhà nước về GDNN từ tháng 3/2025, các CSDL về GDNN đang trong quá trình xây dựng.

- CSDL học bạ số, CSDL văn bằng số: đang trong quá trình đầu tư xây dựng. Bộ GDĐT xác định việc triển khai xây dựng CSDL học bạ số, CSDL văn bằng số (có đầy đủ tính pháp lý) là giải pháp quan trọng để thúc đẩy mạnh mẽ nhiệm vụ cải cách hành chính, chuyển đổi số trong ngành giáo dục, thúc đẩy phát triển xã hội số, góp phần triển khai có hiệu quả Đề án số 06/CP của Thủ tướng Chính phủ.

2.2. Một số tồn tại, hạn chế

Ngành giáo dục quản lý một khối lượng dữ liệu không lồ và đa dạng, liên quan mật thiết đến nhiều lĩnh vực khác. Tuy nhiên, cho đến nay, vẫn chưa có một văn bản dưới luật nào điều chỉnh toàn diện hoạt động này, dẫn đến tình trạng dữ liệu phân tán, thiếu chuẩn hóa và khó khăn trong việc liên thông, chia sẻ. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc xây dựng, quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo còn tồn tại một số bất cập, hạn chế sau đây:

a) Các CSDL hiện có của Bộ GDĐT chưa kết nối, liên thông, chia sẻ giữa các thông tin, dữ liệu để phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước nói chung trong ngành, cũng như yêu cầu quản lý đối với từng lĩnh vực chuyên ngành riêng; Số liệu, dữ liệu và các thông tin thống kê còn tản mát, thiếu sự liên kết và nhiều thông tin bị trùng lặp do có sự giao thoa về đối tượng quản lý.

b) Nguồn dữ liệu thu thập tại các CSDL chưa đáp ứng được đầy đủ tiêu chí "đúng, đủ, sạch, sống", đặc biệt là chưa bảo đảm được tính pháp lý để phục vụ cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

c) Dữ liệu giáo dục và đào tạo được nằm dàn trải ở nhiều Bộ, Ngành, cơ quan, đơn vị và các cơ sở giáo dục; chưa có quy định pháp lý, quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý trong việc quản lý, sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo để bảo đảm chia sẻ và liên thông dữ liệu.

d) Trong quá trình triển khai Đề án 06/CP việc kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu văn bằng, chứng chỉ, học bạ với hệ thống CSDL Quốc gia về Dân cư, ứng dụng định danh và xác thực điện tử (VNeID) là rất cần thiết để phục vụ giải quyết

thủ tục hành chính, cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Việc ban hành Nghị định quy định về quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo là yêu cầu bắt buộc để hoàn thiện khung pháp lý chuyên ngành, bảo đảm thi hành thống nhất, đồng bộ và hiệu quả các quy định hiện hành về dữ liệu. Nghị định này sẽ là công cụ pháp lý làm rõ phạm vi dữ liệu cần quản lý, trách nhiệm của các chủ thể liên quan, quy trình thu thập, chuẩn hóa, lưu trữ, chia sẻ, liên thông và bảo vệ dữ liệu trong toàn ngành giáo dục. Đồng thời, Nghị định cũng đặt nền tảng cho việc triển khai cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo, phục vụ công tác quản lý nhà nước, ra quyết định chính sách, cung cấp dịch vụ công và thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục. Đây là điều kiện cần thiết để hiện thực hóa các nhiệm vụ được giao tại Chiến lược dữ liệu quốc gia, đáp ứng yêu cầu quản lý hiện đại, dựa trên dữ liệu, hướng tới hình thành hệ sinh thái giáo dục số an toàn, mở, tin cậy và lấy người học làm trung tâm.

Như vậy, Chính phủ giao Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng, trình ban hành Nghị định quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo là hoàn toàn phù hợp với quy định của Luật Dữ liệu năm 2024, Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Căn cước năm 2023, và các chủ trương, chính sách, quan điểm chỉ đạo của Đảng, Chính phủ và thực tiễn triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, xây dựng và phát triển dữ liệu của ngành giáo dục và đào tạo.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH

1. Mục đích ban hành Nghị định

Nghị định được xây dựng nhằm các mục tiêu chính như sau:

a) Thứ nhất, là cơ sở pháp lý quan trọng đối với quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo, tạo sự thống nhất, đồng bộ về các nội dung về tạo lập, thu thập, kết nối, chia sẻ, sử dụng và quản lý dữ liệu về giáo dục và đào tạo.

b) Thứ hai, quy định đầy đủ cho việc hình thành được CSDL quốc gia về giáo dục và đào tạo, bảo đảm công tác quản lý nhà nước của Bộ GDĐT, bảo đảm chia sẻ với các Bộ, ngành, địa phương khác có liên quan để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

c) Thứ ba, quy định một số nội dung tạo lập dữ liệu số liên quan đến hồ sơ học tập suốt đời của người học (như văn bằng, chứng chỉ, học bạ, bảng điểm...) được chia sẻ, đồng bộ, sử dụng để triển khai tích hợp trên ứng dụng định danh quốc gia, phục vụ thiết thực xây dựng chiến lược giáo dục học tập suốt đời, tạo thuận lợi để người dân có thể tự phát triển bản thân.

d) Thứ tư, quy định về tổ chức các dữ liệu giáo dục và đào tạo, cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo, cơ sở dữ liệu chuyên ngành giáo dục và đào tạo, hình thành và sử dụng dữ liệu lớn về giáo dục và đào tạo để đẩy mạnh triển khai các nền tảng số giáo dục thông minh để phục vụ các cơ quan, đơn vị, người dân và doanh nghiệp nhằm phát triển kinh tế - xã hội.

đ) Thứ năm, CSDL quốc gia về giáo dục và đào tạo, CSDL chuyên ngành giáo dục và đào tạo đóng vai trò cung cấp, chia sẻ nguồn dữ liệu lớn về giáo dục

và đào tạo góp phần thực hiện mục tiêu nâng tầm chiến lược phát triển giáo dục của Việt Nam hội nhập với thế giới theo các mô hình tiên tiến như giáo dục số, giáo dục trí tuệ nhân tạo, quản trị giáo dục thông minh, trường học số, lớp học thông minh.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị định

a) Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với các quy định của pháp luật có liên quan và sự tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

b) Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

c) Bảo đảm tính công khai, minh bạch trong việc xây dựng và chia sẻ dữ liệu trong CSDL quốc gia về giáo dục và đào tạo và các CSDL chuyên ngành.

d) Bảo đảm an toàn cho việc tổ chức, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức và người dân; trong đó ưu tiên kết nối, chia sẻ dữ liệu với các CSDL quốc gia do các Bộ, ngành khác quản lý để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp và các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

đ) Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, hiện đại, phù hợp với tổng thể chiến lược phát triển dữ liệu của Chính phủ, các bộ, ngành, lĩnh vực liên quan nói riêng và Chính phủ điện tử, Chính phủ số nói chung.

e) Nội dung quy định có tính khả thi cao và ổn định lâu dài; đáp ứng yêu cầu phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số và hội nhập của Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ ĐỊNH

1. Phạm vi điều chỉnh của Nghị định

- Nghị định này quy định về dữ liệu số dùng trong các lĩnh vực quản lý giáo dục và đào tạo bao gồm xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo; Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo.

- Nghị định này không áp dụng đối với dữ liệu giáo dục và đào tạo có liên quan đến bí mật nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng của Nghị định

Đối tượng áp dụng của Nghị định là các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý dữ liệu số sử dụng trong giáo dục và đào tạo.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Bổ sung sau

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Bố cục của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định được xây dựng gồm có 5 Chương với 29 Điều.

- Chương I. Quy định chung;
- Chương II. Xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo;
- Chương III. Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo;
- Chương IV. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân;
- Chương V. Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị định

Dự thảo Nghị định được thiết kế với các nội dung cơ bản thể hiện hai chính sách lớn trong quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo như sau,

a) Chính sách 1: Quy định về xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo nhằm đáp ứng các quy định của pháp luật về dữ liệu và giao dịch điện tử.

Mục tiêu của chính sách nhằm thiết lập một khuôn khổ pháp lý thống nhất, đầy đủ để:

- Quy định rõ nguyên tắc, quy trình và trách nhiệm trong việc xây dựng, phát triển, cập nhật, lưu trữ, bảo vệ, khai thác và sử dụng dữ liệu giáo dục và đào tạo;
- Đảm bảo dữ liệu được quản lý theo vòng đời, gắn với quy trình nghiệp vụ có xác thực pháp lý;
- Thiết lập các chuẩn kỹ thuật, bảo mật và quyền truy cập dữ liệu phù hợp với quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân;
- Hướng đến hình thành một hệ sinh thái dữ liệu tin cậy, làm nền tảng cho chuyển đổi số ngành giáo dục, phục vụ hiệu quả công tác quản lý, điều hành, thanh tra, kiểm tra, nghiên cứu chính sách và cung cấp dịch vụ công cho người dân.

b) Chính sách 2: Quy định về xây dựng, cập nhật, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo phục vụ hoạch định chính sách, đơn giản hóa thủ tục hành chính phát triển nền giáo dục toàn dân

Mục tiêu của chính sách nhằm thiết lập một nền tảng dữ liệu tập trung, thống nhất và có giá trị pháp lý chính thức, phục vụ đồng thời các mục tiêu quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và hoạch định chính sách trên toàn quốc. Cụ thể:

- Thiết lập cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc xây dựng, vận hành và quản trị Cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục và đào tạo, bao gồm: phạm vi dữ liệu, danh mục dữ liệu chủ, cơ chế cập nhật, khai thác, bảo vệ, chia sẻ và phân quyền truy cập;
- Bảo đảm đồng bộ, liên thông dữ liệu toàn ngành, kết nối hiệu quả với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác như CSDL dân cư, bảo hiểm xã hội, Kho dữ liệu tổng hợp Quốc gia;
- Làm nền tảng triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, giảm thủ tục, chi phí, thời gian cho người dân và tổ chức; đồng thời hỗ trợ xác thực hồ sơ giáo dục như học bạ, văn bằng, chứng chỉ qua môi trường điện tử, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục và phát triển giáo dục toàn dân;

- Thực hiện đúng quy định tại Luật Dữ liệu, Luật Giao dịch điện tử, bảo đảm rằng Cơ sở dữ liệu quốc gia trong lĩnh vực giáo dục có đầy đủ thành phần, giá trị pháp lý, được sử dụng chính thức, được kiểm soát, cập nhật và chia sẻ theo quy định.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN

1. Để phù hợp với quy định của Luật giao dịch điện tử năm 2023, Luật Căn cước năm 2023, căn cứ ý kiến của một số Bộ, Ngành liên quan và đánh giá thực tiễn khi xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Giáo dục và Đào tạo xin ý kiến với Chính phủ để bổ sung CSDL Quốc gia về giáo dục và đào tạo vào danh mục các CSDL Quốc gia theo quy định.

2. Sau khi Nghị định ban hành, việc tổ chức thi hành tập trung vào các nhiệm vụ: Ban hành văn bản để quy định chi tiết thi hành, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện và tuyên truyền, phổ biến văn bản; tổ chức thực hiện các biện pháp quy định trong Nghị định; thanh tra, kiểm tra, giám sát.

3. Một số nội dự kiến về nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản sau khi được ban hành, cụ thể:

- a) Kinh phí xây dựng và quản lý CSDL Quốc gia về giáo dục và đào tạo;
- b) Xây dựng, cập nhật các quy chuẩn, tiêu chuẩn dữ liệu để phục vụ xây dựng CSDL Quốc gia về giáo dục và đào tạo, các CSDL chuyên ngành giáo dục;
- c) Một số điều kiện triển khai, kết nối dữ liệu giữa các Bộ, Ngành, đơn vị.

VII. TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý VÀ GIẢI TRÌNH GÓP Ý ĐỐI VỚI DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

- Dự thảo Nghị định đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo để lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định. Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có các Công văn gửi đến các bộ, ngành, địa phương, các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo để lấy ý kiến tham gia đối với dự thảo Nghị định.

- Trên cơ sở các ý kiến góp ý, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định (xin gửi kèm theo).

Trên đây là Tờ trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo về dự thảo Nghị định quy định quản lý dữ liệu giáo dục và đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo kính trình Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó TTg CP (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- VPCP: Cục KSTTHC; Vụ PL;

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

- Lưu: VT, PC, K2ĐT (2b).

Nguyễn Văn Phúc